TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 133/2019/DS-ST Ngày: 13-8-2019 V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

2. Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Thông báo dời phiên tòa số 36/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Mỹ L, sinh năm 1988 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Hồng T (Tên thường gọi: T1), sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Chị Dương Mỹ L (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn T) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 31/5/2019, chị L trình bày:***

Vào ngày 30/11/2017, anh Nguyễn Văn T cho bà Phạm Thị D vay 80.000.000 đồng, có làm giấy viết tay do bà D viết, bà D có ký tên và ghi họ tên của bà D. Lãi suất vay thỏa thuận 3%/tháng, thỏa thuận 04 tháng bà D trả tiền cho anh T. Tờ giấy viết tay mượn tiền do bà D viết ngày 30/11/2017, nhưng bà D viết nhầm ngày 30/11/2007. Bà D không có trả tiền vốn và lãi cho anh T. Bà D và bà T không có trả cho anh T 40.000.000 đồng; hiện nay bà D còn nợ anh T 80.000.000 đồng. Anh T có yêu cầu bà D trả tiền, nhưng không trả.

Chị L (đại diện theo ủy quyền của anh T) yêu cầu bà D trả lại cho anh T số tiền 80.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà T không có vay tiền của anh T; anh T không yêu cầu bà T trả tiền.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị D trình bày.***

Năm 2017 bà Nguyễn Thị T (bạn của bà D) có vay của anh Nguyễn Hồng T hai lần tiền, cụ thể: lần đầu bà T vay của anh T 40.000.000 đồng do anh T giao tiền cho bà T, lần hai bà T vay của anh T 40.000.000 đồng, nhưng anh T giao tiền cho anh T rồi anh T giao tiền cho bà D nhận để bà D giao tiền lại cho bà T, tổng cộng bà T vay của anh T 80.000.000 đồng; anh T để cho anh T là người cho vay tiền. Vì bà T là bạn của bà D, nên đến ngày 30/11/2017, bà D viết giấy tay mượn của anh Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000 đồng để bảo lãnh cho việc bà T vay tiền của anh Nguyễn Hồng T. Lãi suất vay là 5%/tháng; bà D viết giấy mượn tiền vào ngày 30/11/2017, nhưng bà D ghi nhầm ngày 30/11/2007. Bà D thừa nhận nội dung trong tờ giấy viết tay ngày 30/11/2007 do bà D viết, nhưng bà D không có mượn của anh T 80.000.000 đồng. Khoảng 02 tháng sau khi bà D viết giấy mượn tiền của anh T, bà T có giao cho bà D 40.000.000 đồng để trả tiền vốn cho anh T, bà D giao cho anh T 40.000.000 đồng thì bà D có viết một tờ giấy tay còn thiếu lại anh T 40.000.000 đồng, giao cho anh T giữ, nhưng bà D không có lấy lại tờ giấy viết tay bà D viết mượn của anh T 80.000.000 đồng vào ngày 30/11/2017. Bà T có gởi tiền cho bà D để đóng tiền lãi cho anh T, đến tháng 11/2018 ngưng, nhưng không nhớ số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu, cũng không có làm biên nhận, giấy tờ gì Hiện nay bà T còn nợ anh T 40.000.000 đồng, nên bà T phải có trách nhiệm trả tiền cho anh T. Bà D không có vay tiền

của anh T, nên bà D không đồng ý trả tiền cho anh T. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất theo lời trình bày của bà D. Số tiền 80.000.000 đồng mà bà D trình bày là bà T vay của anh Nguyễn Hồng T, nhưng anh T để cho anh T là người cho vay tiền. Sau khi bà T nhận số tiền 80.000.000 đồng, bà D đã viết giấy tay mượn của anh T 80.000.000 đồng để bảo lãnh nợ cho bà T. Khoảng 02 tháng sau khi bà D viết giấy mượn tiền của anh T, bà T có giao cho bà D 40.000.000 đồng để trả tiền vốn cho anh T. Bà D có giao cho anh T 40.000.000 đồng, bà D có viết giấy viết tay còn thiếu anh T 40.000.000 đồng, giao cho anh T giữ, nhưng bà D không có lấy lại tờ giấy viết tay mà bà D viết mượn của anh T số tiền 80.000.000 đồng trước đó. Trong thời gian vay tiền bà T có tự đóng tiền lãi cho anh T và có giao tiền cho bà D để đóng tiền lãi cho anh T, đến tháng 11/2018 ngưng, không nhớ số tiền lãi đã đóng cho anh T là bao nhiêu, cũng không có làm biên nhận, giấy tờ gì Hiện nay bà T chỉ còn nợ anh T số tiền 40.000.000 đồng. Bà D không có mượn tiền của anh T và không có nợ tiền anh T.

Nay bà T đồng ý trả lại cho anh T 40.000.000 đồng, nhưng xin trả dần tiền mỗi tháng 10.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Nguyễn Hồng T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc bà D trả lại cho anh T 80.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản", cần áp dụng giải quyết theo các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy chị Dương Mỹ L (đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng T đã được

tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt có lời trình bày thể hiện ý kiến; riêng anh T vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét chị L (đại diện theo ủy quyền của anh T) yêu cầu bà D trả lại cho anh T số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị L và bà D như trên thì bà D với anh T có thực hiện việc vay tiền và giao nhận tiền. Chị L có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh T là tờ giấy viết tay có nội dung: *"Hôm nay ngày 30/11/2007 Tôi: Phạm Thị D có mượn của ông Nguyễn Văn T số tiền là 80.000.000đ Tám chục triệu để trả tiền ngân hàng"* (bút lục 28). Bà D thừa nhận nội dung trong tờ giấy viết tay nêu trên là do bà D viết và có ký tên và ghi họ tên trong tờ giấy viết tay này vào ngày 30/11/2017, nhưng viết nhầm ngày 30/11/2007. Phía bà D cho rằng số tiền 80.000.000 đồng là do bà T vay của anh T, nhưng anh T để cho anh T là người cho vay tiền, đồng thời bà D viết giấy tay mượn của anh T 80.000.000 đồng để bảo lãnh nợ vay cho bà T, đã trả cho anh T được 40.000.000 đồng, bà T còn nợ 40.000.000 đồng, nên bà T phải trả tiền cho anh T; nhưng bà D không có chứng cứ gì chứng minh số tiền 80.000.000 đồng là của bà T vay của anh T hay anh T; chị L không thừa nhận, nên lời trình bày của bà D là không có cơ sở. Do đó xét thấy bà D có mượn của anh T số tiền 80.000.000 đồng; nên chị L (đại diện theo ủy quyền của anh T) yêu cầu bà D trả lại cho anh T số tiền 80.000.000 đồng như trên là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Xét bà T cho rằng số tiền 80.000.000 đồng là của bà T mượn của anh T, nhưng anh T để cho anh T là người đứng tên cho vay, đồng thời bà D viết giấy tay mượn 80.000.000 đồng của anh T để bảo lãnh tiền nợ vay cho bà T, đã trả được 40.000.000 đồng, hiện nay bà T còn nợ lại 40.000.000 đồng, xin mỗi tháng trả 10.000.000 đồng; nhưng bà T không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày và yêu của bà T, chị L không thừa nhận, nên lời trình bày và yêu cầu của bà T là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

- Xét chị L (đại diện theo ủy quyền của anh T) không yêu cầu bà D trả tiền lãi, nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T: Buộc bà D có nghĩa vụ trả cho anh T 80.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

- Buộc bà Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng);* trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí

+ Bà D phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh T tiền tạm ứng án phí 2.180.000đồng theo biên lai số 39988 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Bà D, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị L (đại diện ủy quyền của anh T), anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L ê Trung Hiếu